

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ 2

Câu 1. Tiến hóa hóa học là quá trình tổng hợp các chất

- A. hữu cơ từ các chất vô cơ theo phương thức hóa học.
- B. hữu cơ từ các chất vô cơ theo phương thức sinh học.
- C. vô cơ từ các chất hữu cơ theo phương thức sinh học.
- D. vô cơ từ các chất hữu cơ theo phương thức hóa học.

Câu 2. Đặc điểm nào sau đây là minh chứng rằng trong tiến hóa thì ARN là tiền thân của axitnuclêic mà không phải là ADN?

- A. ARN chỉ có 1 mạch
- B. ARN có loại bazơ nitơ Uaxin
- C. ARN nhân đôi mà không cần đến enzim
- D. ARN có khả năng sao mã ngược

Câu 3. Nguồn năng lượng dùng để tổng hợp nên các phân tử hữu cơ hình thành sự sống là:

- A. ATP.
- B. Năng lượng tự nhiên.
- C. Năng lượng hoá học.
- D. Năng lượng sinh học.

Câu 4. Trong giai đoạn tiến hóa hóa học đã có sự

- A. tổng hợp các chất hữu cơ từ chất vô cơ theo phương thức hóa học.
- B. tạo thành các coaxecva theo phương thức hóa học .
- C. hình thành mầm mống những cơ thể đầu tiên theo phương thức hóa học.
- D. xuất hiện các enzim theo phương thức hóa học.

Câu 5. Sự sống đầu tiên xuất hiện trong môi trường

- A. trong nước đại dương
- B. khí quyển nguyên thủy.
- C. trong lòng đất.
- D. trên đất liền.

Câu 6. Trong tự nhiên, nhân tố sinh thái tác động đến sinh vật

- A. một cách độc lập với tác động của các nhân tố sinh thái khác.
- B. trong mối quan hệ với tác động của các nhân tố sinh thái khác.
- C. trong mối quan hệ với tác động của các nhân tố vô sinh.
- D. trong mối quan hệ với tác động của các nhân tố hữu sinh.

Câu 7. Chọn câu **sai** trong các câu sau:

- A. Nhân tố sinh thái là tất cả các yếu tố của môi trường tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới sinh vật.
- B. Giới hạn sinh thái là giới hạn chịu đựng của cơ thể sinh vật đối với một nhân tố sinh thái nhất định.
- C. Sinh vật không phải là yếu tố sinh thái.
- D. Các nhân tố sinh thái được chia thành 2 nhóm là nhóm nhân tố vô sinh và nhóm nhân tố hữu sinh.

Câu 8. Cá rô phi Việt Nam chịu lạnh đến $5,6^{\circ}\text{C}$, dưới nhiệt độ này cá chết, chịu nóng đến 42°C , trên nhiệt độ này cá cũng sẽ chết, các chức năng sống biểu hiện tốt nhất từ 20°C đến 35°C . Mức 42°C được gọi là:

- A. giới hạn chịu đựng .
- B. điểm thuận lợi.
- C. điểm gây chết giới hạn trên.
- D. điểm gây chết giới hạn dưới.

Câu 9 Nhóm sinh vật nào dưới đây có nhiệt độ cơ thể không biến đổi theo nhiệt độ môi trường?

- A. Lưỡng cư.
- B. Cá xương.
- C. Thú.
- D. Bò sát.

Câu 10. Đối với mỗi nhân tố sinh thái thì khoảng thuận lợi (khoảng cực thuận) là khoảng giá trị của nhân tố sinh thái mà ở đó sinh vật

- A. phát triển thuận lợi nhất.
- B. có sức sống trung bình.
- C. có sức sống giảm dần.
- D. chết hàng loạt.

Câu 11. Trong rừng mưa nhiệt đới, những cây thân gỗ có chiều cao vượt lên tầng trên của tán rừng thuộc nhóm thực vật

- A. ưa bóng và chịu hạn.
- B. ưa sáng.
- C. ưa bóng.
- D. chịu nóng.

Câu 12. Có các loại nhân tố sinh thái gồm

- A. vô sinh, nhân tố hữu sinh, nhân tố sinh vật.
- B. vô sinh, nhân tố hữu sinh, nhân tố con người.
- C. vô sinh, nhân tố hữu sinh, nhân tố ngoại cảnh.
- D. vô sinh, nhân tố hữu sinh.

Câu 13. Cá rô phi nuôi ở Việt Nam có các giá trị giới hạn dưới và giới hạn trên về nhiệt độ lần lượt là $5,6^{\circ}\text{C}$ và 42°C . Khoảng giá trị nhiệt độ từ $5,6^{\circ}\text{C}$ đến 42°C được gọi là

- A. khoảng gây chết.
- B. khoảng thuận lợi.
- C. khoảng chống chịu.
- D. giới hạn sinh thái.

Câu 14: Khoảng thuận lợi là:

- A. khoảng nhân tố sinh thái (NTST) ở mức độ phù hợp cho khả năng tự vệ của sinh vật.
- B. khoảng NTST ở mức độ phù hợp cho khả năng sinh sản của sinh vật.
- C. khoảng các NTST ở mức độ phù hợp, đảm bảo cho sinh vật thực hiện các chức năng sống tốt nhất.
- D. khoảng các NTST đảm bảo tốt nhất cho một loài, ngoài khoảng này sinh vật sẽ không chịu đựng được.

Câu 15. Tập hợp sinh vật nào sau đây gọi là quần thể?

- A. Tập hợp cá sống trong Hồ Tây.
- B. Tập hợp cá Cóc sống trong Vườn Quốc Gia Tam Đảo.
- C. Tập hợp cây thân leo trong rừng mưa nhiệt đới.
- D. Tập hợp cỏ dại trên một cánh đồng.

Câu 16. Sự cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể sinh vật có thể dẫn tới:

- A. giảm kích thước quần thể xuống dưới mức tối thiểu.

- B. tăng kích thước quần thể tới mức tối đa.
- C. duy trì số lượng cá thể trong quần thể ở mức độ phù hợp.
- D. tiêu diệt lẫn nhau giữa các cá thể trong quần thể, làm cho quần thể bị diệt vong.

Câu 17. Điều nào sau đây **không** đúng với vai trò của quan hệ cạnh tranh?

- A. Đảm bảo sự tăng số lượng không ngừng của quần thể.
- B. Đảm bảo số lượng của các cá thể trong quần thể duy trì ở mức độ phù hợp.
- C. Đảm bảo sự tồn tại và phát triển của quần thể.
- D. Đảm bảo sự phân bố của các cá thể trong quần thể duy trì ở mức độ phù hợp.

Câu 18. Quan hệ hỗ trợ trong quần thể là mối quan hệ giữa các cá thể

- A. sinh vật trong một vùng hỗ trợ lẫn nhau trong các hoạt động sống.
- B. sinh vật giúp nhau trong các hoạt động sống.
- C. cùng loài hỗ trợ nhau trong việc di cư do mùa thay đổi.
- D. cùng loài hỗ trợ lẫn nhau trong các hoạt động sống.

Câu 19. Giới hạn sinh thái gồm có:

- A. giới hạn dưới, giới hạn trên, giới hạn cực thuận.
- B. khoảng thuận lợi và khoảng chống chịu.
- C. giới hạn dưới, giới hạn trên.
- D. giới hạn dưới, giới hạn trên, giới hạn chịu đựng.

Câu 20. Nhân tố vô sinh bao gồm tất cả:

- A. nhân tố vật lí, nhân tố hóa học của môi trường xung quanh sinh vật.
- B. tác động của các sinh vật khác lên cơ thể sinh vật.
- C. tác động trực tiếp hay gián tiếp của tự nhiên lên cơ thể sinh vật.
- D. các yếu tố sống của tự nhiên có ảnh hưởng đến cơ thể sinh vật.

Câu 21. Hiện tượng nào sau đây là biểu hiện của mối quan hệ hỗ trợ cùng loài?

- A. Cá mập con khi mới nở, sử dụng trứng chưa nở làm thức ăn.
- B. Động vật cùng loài ăn thịt lẫn nhau.
- C. Tia thưa tự nhiên ở thực vật.
- D. Các cây thông mọc gần nhau, có rễ nối liền nhau.

Câu 22. Điều nào sau đây **không** đúng với vai trò của quan hệ hỗ trợ?

- A. Đảm bảo cho quần thể tồn tại ổn định.
- B. Khai thác tối ưu nguồn sống của môi trường.
- C. Hiện tượng tự tỉa thưa.
- D. Làm tăng khả năng sống sót và sinh sản của các cá thể.

Câu 23. Ăn thịt đồng loại xảy ra do:

- A. tập tính của loài.
- B. con non không được bố mẹ chăm sóc.
- C. mật độ của quần thể tăng.
- D. quá thiếu thức ăn.

Câu 24. Quan hệ cạnh tranh là các cá thể trong quần thể cạnh tranh nhau giành

- A. nguồn sống hoặc cạnh tranh nhau con cái.
- B. nguồn sống như thức ăn, nơi ở, ánh sáng.
- C. nhau con cái để giao phối.
- D. nguồn sống hoặc nơi ở của quần thể.

Câu 25. Sự cạnh tranh giữa các cá thể cùng loài sẽ làm:

- A. tăng số lượng cá thể của quần thể, tăng cường hiệu quả nhóm.
- B. giảm số lượng cá thể của quần thể đảm bảo cho số lượng cá thể của quần thể tương ứng với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường.
- C. suy thoái quần thể do các cá thể cùng loài tiêu diệt lẫn nhau.
- D. tăng mật độ cá thể của quần thể, khai thác tối đa nguồn sống của môi trường.

Câu 26: Tỷ lệ giữa số lượng cá thể đực và cá thể cái ở một quần thể được gọi là:

- A. phân hoá giới tính.
- B. tỉ lệ đực:cái hoặc cấu trúc giới tính.
- C. tỉ lệ phân hoá.
- D. phân bố giới tính.

Câu 27: Số lượng từng loại tuổi cá thể ở mỗi quần thể phản ánh:

- A. tuổi thọ quần thể.
- B. tỉ lệ giới tính.
- C. tỉ lệ phân hoá.
- D. tỉ lệ nhóm tuổi hoặc cấu trúc tuổi.

Câu 28: Tuổi sinh lí là:

- A. thời gian sống có thể đạt tới của một cá thể trong quần thể.
- B. tuổi bình quân của quần thể.
- C. thời gian sống thực tế của cá thể.
- D. thời điểm có thể sinh sản.

Câu 29: Khoảng thời gian sống có thể đạt tới của một cá thể tính từ lúc cá thể được sinh ra cho đến khi nó chết do già được gọi là:

- A. tuổi sinh thái.
- B. tuổi sinh lí.
- C. tuổi trung bình.
- D. tuổi quần thể.

Câu 30: Ý nghĩa sinh thái của kiểu phân bố đồng đều của các cá thể trong quần thể là:

- A. làm giảm mức độ cạnh tranh giữa các cá thể.
- B. làm tăng khả năng chống chịu của các cá thể trước các điều kiện bất lợi của môi trường.
- C. duy trì mật độ hợp lí của quần thể.
- D. tạo sự cân bằng về tỉ lệ sinh sản và tỉ lệ tử vong của quần thể.

Câu 31: Mật độ của quần thể là:

- A. số lượng cá thể trung bình của quần thể được xác định trong một khoảng thời gian xác định nào đó.
- B. số lượng cá thể cao nhất ở một thời điểm xác định nào đó trong một đơn vị diện tích nào đó của quần thể.

C.khối lượng sinh vật thấp nhất ở một thời điểm xác định trong một đơn vị thể tích của quần thể.

D.số lượng cá thể có trên một đơn vị diện tích hay thể tích của quần thể.

Câu 32: Khi nói về quan hệ giữa kích thước quần thể và kích thước cơ thể, thì câu **sai** là:

A. loài có kích thước cơ thể nhỏ thường có kích thước quần thể lớn.

B. loài có kích thước cơ thể lớn thường có kích thước quần thể nhỏ.

C. kích thước cơ thể của loài tỉ lệ thuận với kích thước của quần thể.

D. kích thước cơ thể và kích thước quần thể của loài phù hợp với nguồn sống.

Câu 33: Quần thể dễ có khả năng suy vong khi kích thước của nó đạt:

A. dưới mức tối thiểu.

B. mức tối đa.

C. mức tối thiểu.

D. mức cân bằng

Câu 34: Nếu kích thước của quần thể xuống dưới mức tối thiểu thì quần thể sẽ suy thoái và dễ bị diệt vong vì nguyên nhân chính là:

A. sức sinh sản giảm.

B. mất hiệu quả nhóm.

C. gen lặn có hại biểu hiện.

D. không kiếm đủ ăn.

Câu 35: Khi kích thước của quần thể hữu tính vượt mức tối đa, thì xu hướng thường xảy ra là:

A. giảm hiệu quả nhóm.

B. giảm tỉ lệ sinh.

C. tăng giao phối tự do.

D. tăng cạnh tranh.

Câu 36: Hiện tượng cá thể rời bỏ quần thể này sang quần thể khác được gọi là:

A. mức sinh sản.

B. mức tử vong.

C. sự xuất cư.

D. sự nhập cư.

Câu 37: Kích thước tối đa của quần thể bị giới hạn bởi yếu tố nào?

A.Tỉ lệ sinh của quần thể.

B.Tỉ lệ tử của quần thể.

C.Nguồn sống của quần thể.

D.Sức chứa của môi trường.

Câu 38: Một quần thể như thế nào là quần thể không sinh trưởng nhanh?

A.Trong quần thể có nhiều cá thể ở tuổi trước sinh sản hơn cá thể sinh sản.

B.Trong quần thể có kiểu phân bố tập trung.

C.Quần thể gần đạt sức chứa tối đa.

D.Quần thể có nhiều cá thể ở tuổi sau sinh sản hơn cá thể sinh sản.

Câu 39: Thay đổi làm tăng hay giảm kích thước quần thể được gọi là biến động

A. kích thước.

B. di truyền.

C. số lượng.

D. cấu trúc.

Câu 40: Nhân tố dễ gây đột biến số lượng ở sinh vật biến nhiệt là

A. nhiệt độ.

B. ánh sáng.

C. độ ẩm.

D. không khí.

Câu 41: Nhân tố sinh thái nào bị chi phối bởi mật độ cá thể của quần thể?

A.Ánh sáng.

B.Nước.

C.Hữu sinh.

D.Nhiệt độ.

Câu 42:

Các dạng biến động số lượng?

1. Biến động không theo chu kì.

2. Biến động theo chu kì.

3. Biến động đột ngột (do sự cố môi trường)

4. Biến động theo mùa vụ.

Phương án đúng là:

A.1, 2.

B.1, 3, 4.

C.2, 3.

D.2, 3, 4.

Câu 43: Sự biến động số lượng của thỏ rừng và mèo rừng tăng giảm đều đặn 10 năm 1 lần. Hiện tượng này biểu hiện biến động theo

A. chu kì ngày đêm.

B. chu kì mùa.

C. chu kì nhiều năm.

D. chu kì tuần trăng.

Câu 44: Trong đợt rét hại tháng 1-2/2008 ở Việt Nam, rau và hoa quả mất mùa, cỏ chết và ếch nhái ít hẳn là biểu hiện biến động

A. tuần trăng.

B. theo mùa

C. nhiều năm.

D. không theo chu kì

Câu 45: Ở cây trồng nhân tố nhiệt độ ảnh hưởng nhiều nhất đối với giai đoạn nào?

A.Cây ra hoa

B.Cây con

C.Cây trưởng thành

D.Hạt nảy mầm

Câu 46:Cây trồng quang hợp ở vùng nhiệt đới quang hợp tốt nhất ở nhiệt độ:

A. 15°C - 20°C

B. 20°C - 25°C

C. 20°C - 30°C

D. 25°C - 30°C

Câu 47. Để diệt sâu đục thân lúa, người ta thả ong mắt đỏ vào ruộng lúa. Đó là phương pháp đấu tranh sinh học dựa vào:

A.cạnh tranh cùng loài

B.khống chế sinh học

C.cân bằng sinh học

D.cân bằng quần thể

Câu 48. Hiện tượng số lượng cá thể của quần thể bị kim hãm ở mức nhất định bởi quan hệ sinh thái trong quần xã gọi là:

A.cân bằng sinh học

B.cân bằng quần thể

C.khống chế sinh học.

D.giới hạn sinh thái

Câu 49. Trong các hệ sinh thái trên cạn, loài ưu thế thường thuộc về

A.giới động vật

B.giới thực vật

C.giới nấm

D. giới nhân sơ (vi khuẩn)

Câu 50. Ở rừng nhiệt đới Tam Đảo, thì loài đặc trưng là

A.cá cóc

B.cây cọ

C.cây sim

D.bọ que

Câu 51. Quần xã rừng U Minh có loài đặc trưng là:

A.tôm nước lợ

B.cây tràm

C.cây mua

D.bọ lá

Câu 52. Quá trình diễn thế thứ sinh tại rừng lim Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn như thế nào?

- A. Rừng lim nguyên sinh bị chặt hết → Rừng thưa cây gỗ nhỏ → Cây gỗ nhỏ và cây bụi → Cây bụi và cỏ chiếm ưu thế → Trảng cỏ
- B. Rừng lim nguyên sinh bị chặt hết → Cây gỗ nhỏ và cây bụi → Rừng thưa cây gỗ nhỏ → Cây bụi và cỏ chiếm ưu thế → Trảng cỏ
- C. Rừng lim nguyên sinh bị chặt hết → Rừng thưa cây gỗ nhỏ → Cây bụi và cỏ chiếm ưu thế → Cây gỗ nhỏ và cây bụi → Trảng cỏ
- D. Rừng lim nguyên sinh bị chặt hết → Cây bụi và cỏ chiếm ưu thế → Rừng thưa cây gỗ nhỏ → Cây gỗ nhỏ và cây bụi → Trảng cỏ

Câu 53. Tính đa dạng về loài của quần xã là:

- A. mức độ phong phú về số lượng loài trong quần xã và số lượng cá thể của mỗi loài
- B. mật độ cá thể của từng loài trong quần xã
- C. tỉ lệ % số địa điểm bắt gặp một loài trong tổng số địa điểm quan sát
- D. số loài đóng vai trò quan trọng trong quần xã

Câu 54. Quần xã sinh vật là

- A. tập hợp nhiều quần thể sinh vật thuộc cùng loài, cùng sống trong một không gian xác định và chúng có mối quan hệ mật thiết, gắn bó với nhau
- B. tập hợp nhiều quần thể sinh vật thuộc các loài khác nhau, cùng sống trong một không gian xác định và chúng ít quan hệ với nhau
- C. tập hợp nhiều quần thể sinh vật thuộc hai loài khác nhau, cùng sống trong một không gian xác định và chúng có mối quan hệ mật thiết, gắn bó với nhau
- D. một tập hợp các quần thể sinh vật thuộc các loài khác nhau, cùng sống trong một không gian và thời gian nhất định, có mối quan hệ gắn bó với nhau như một thể thống nhất.

Câu 55. Ví dụ nào sau đây phản ánh quan hệ hợp tác giữa các loài?

- A. Vi khuẩn lam sống trong nốt sần rễ đậu
- B. Chim sáo đậu trên lưng trâu rừng
- C. Cây phong lan bám trên thân cây gỗ
- D. Cây tầm gửi sống trên thân cây gỗ

Câu 56. Quần xã rừng thường có cấu trúc nổi bật là

- A. phân tầng thẳng đứng
- B. phân tầng theo chiều ngang
- C. phân bố ngẫu nhiên
- D. phân bố đồng đều

Câu 57. Hiện tượng cá sấu há to miệng cho một loài chim “xia răng” hộ là biểu hiện quan hệ:

- A. cộng sinh
- B. hội sinh
- C. hợp tác
- D. kí sinh

Câu 58. Ví dụ nào sau đây phản ánh quan hệ kí sinh giữa các loài?

- A. Vi khuẩn lam sống trong nốt sần rễ đậu
- B. Chim sáo đậu trên lưng trâu rừng
- C. Động vật nguyên sinh sống trong ruột mối.
- D. Cây tầm gửi sống trên thân cây gỗ.

Câu 59. Quan hệ giữa nấm với tảo đơn bào trong địa y là biểu hiện quan hệ:

- A. hội sinh
- B. cộng sinh
- C. kí sinh
- D. ức chế cảm nhiễm

Câu 60. Một quần xã ổn định thường có

- A. số lượng loài nhỏ và số lượng cá thể của loài thấp
- B. số lượng loài nhỏ và số lượng cá thể của loài cao
- C. số lượng loài lớn và số lượng cá thể của loài cao
- D. số lượng loài lớn và số lượng cá thể của loài thấp

Câu 61. Ví dụ nào sau đây phản ánh quan hệ cộng sinh giữa các loài:

- A. vi khuẩn lam sống trong nốt sần rễ đậu
- B. chim sáo đậu trên lưng trâu rừng
- C. cây phong lan bám trên thân cây gỗ
- D. cây tầm gửi sống trên thân cây gỗ.

Câu 62. Ví dụ nào sau đây phản ánh quan hệ hội sinh giữa các loài:

- A. vi khuẩn lam sống trong nốt sần rễ đậu
- B. chim sáo đậu trên lưng trâu rừng
- C. cây phong lan bám trên thân cây gỗ
- D. cây tầm gửi sống trên thân cây gỗ.

Câu 63. Con mối mới nở “liếm” hậu môn đồng loại để tự tẩy trùng roi Trichomonas. Trùng roi có enzym phân giải được xelulôzơ ở gỗ mà mối ăn. Quan hệ này giữa mối và trùng roi là:

- A. cộng sinh
- B. hội sinh
- C. hợp tác
- D. kí sinh

Câu 64. Quan hệ hỗ trợ trong quần xã biểu hiện ở:

- A. cộng sinh, hội sinh, hợp tác
- B. quần tụ thành bầy hay cụm và hiệu quả nhóm
- C. kí sinh, ăn loài khác, ức chế cảm nhiễm
- D. cộng sinh, hội sinh, kí sinh

Câu 65. Quan hệ đối kháng trong quần xã biểu hiện ở:

- A. cộng sinh, hội sinh, hợp tác
- B. quần tụ thành bầy hay cụm và hiệu quả nhóm
- C. kí sinh, ăn loài khác, ức chế cảm nhiễm, cạnh tranh.
- D. cộng sinh, hội sinh, kí sinh

Câu 66. Ở biển có loài cá ép thường bám chặt vào thân cá lớn để “đi nhờ”, thuận lợi cho phát tán và kiếm ăn của loài. Đây là biểu hiện của:

- A. cộng sinh
- B. hội sinh
- C. hợp tác
- D. kí sinh

Câu 67. Ví dụ về mối quan hệ cạnh tranh là:

- A. giun sán sống trong cơ thể lợn
- B. các loài cỏ dại và lúa cùng sống trên ruộng đồng

C.khuẩn lam thường sống cùng với nhiều loài động vật xung quanh D.thỏ và chó sói sống trong rừng.

Câu 68. Tại sao các loài thường phân bố khác nhau trong không gian, tạo nên theo chiều thẳng đứng hoặc theo chiều ngang?

- A.Do mối quan hệ hỗ trợ giữa các loài. B.Do nhu cầu sống khác nhau
C.Do mối quan hệ cạnh tranh giữa các loài D.Do hạn chế về nguồn dinh dưỡng

Câu 69.Tập hợp các dấu hiệu để phân biệt các quần xã được gọi là:

- A.đặc điểm của quần xã B.đặc trưng của quần xã C.cấu trúc của quần xã D.thành phần của quần xã

Câu 70. Núi lửa lấp đầy một hồ nước ngọt. Sau một thời gian, cỏ cây mọc lên, dần trở thành một khu rừng nhỏ ngay trên chỗ trước kia là hệ sinh thái nước đứng. Đó là:

- A.diễn thế nguyên sinh B.diễn thế thứ sinh C.diễn thế phân hủy D.biến đổi tiếp theo

Câu 71.Một khu rừng rậm bị chặt phá quá mức, dần mất cây to, cây bụi và cỏ chiếm ưu thế, động vật hiếm dần. Đây là:

- A.diễn thế nguyên sinh B.diễn thế thứ sinh C.diễn thế phân hủy D.biến đổi tiếp theo

Câu 72. Diễn thế sinh thái là quá trình biến đổi

- A. của quần xã tương ứng với sự thay đổi của môi trường
B. của quần xã qua các giai đoạn, tương ứng với sự biến đổi của môi trường
C. tuần tự của quần xã qua các giai đoạn, tương ứng với sự biến đổi của môi trường
D. tuần tự của quần xã qua các giai đoạn, không tương ứng với sự biến đổi của môi trường.

Câu 73. Sự hình thành ao cá tự nhiên từ một hồ bom được gọi là:

- A.diễn thế nguyên sinh B.diễn thế thứ sinh C.diễn thế phân hủy D.diễn thế nhân tạo

Câu 74. Quan hệ giữa hai loài sinh vật, trong đó một loài có lợi, còn một loài không có lợi hoặc có hại là mối quan hệ nào?

- A.Quan hệ cộng sinh B.Quan hệ hội sinh C.Quan hệ hợp tác D.Quan hệ ức chế - cảm nhiễm.

Câu 75. Tảo biển khi nở hoa gây ra nạn “thủy triều đỏ” ảnh hưởng tới các sinh vật khác sống xung quanh. Hiện tượng này gọi là quan hệ:

- A.hội sinh B.hợp tác C. ức chế - cảm nhiễm D.cạnh tranh

Câu 76. Hiện tượng một số loài cua biển mang trên thân những con hải quỳ thể hiện mối quan hệ nào giữa các loài sinh vật?

- A.Quan hệ sinh vật kí sinh – sinh vật chủ B.Quan hệ cộng sinh
C.Quan hệ hội sinh D.Quan hệ hợp tác

Câu 77: Điều nào sau đây **không** đúng với diễn thế nguyên sinh?

- A.Khởi đầu từ môi trường trống trơn
B.Các quần xã sinh vật biến đổi tuần tự, thay thế lẫn nhau và ngày càng phát triển đa dạng
C.Không thể hình thành nên quần xã tương đối ổn định.
D.Hình thành quần xã tương đối ổn định.

Câu 78. Nguyên nhân bên trong gây ra diễn thế sinh thái là sự cạnh tranh

- A. trong loài thuộc nhóm ưu thế B. trong loài chủ chốt
C. giữa các nhóm loài ưu thế D. trong loài đặc trưng.

Câu 79: Hệ sinh thái là bao gồm quần xã sinh vật và môi trường

- A. vô sinh của quần xã B. vô sinh của quần xã C. hữu sinh của quần xã D. hữu sinh của quần xã

Câu 80: Sinh vật sản xuất là những sinh vật:

- A.phân giải vật chất (xác chết, chất thải) thành những chất vô cơ trả lại cho môi trường
B.động vật ăn thực vật và động vật ăn động vật
C.có khả năng tự tổng hợp nên các chất hữu cơ để tự nuôi sống bản thân
D.chỉ gồm các sinh vật có khả năng hóa tổng hợp

Câu 81: Các kiểu hệ sinh thái trên Trái Đất được phân chia theo nguồn gốc bao gồm hệ sinh thái

- A. trên cạn và hệ sinh thái dưới nước B. tự nhiên và hệ sinh thái nhân tạo
C. nước mặn và hệ sinh thái nước ngọt D. nước mặn và hệ sinh thái trên cạn

Câu 82: Thành phần hữu sinh của một hệ sinh thái bao gồm sinh vật

- A. sản xuất, sinh vật tiêu thụ, sinh vật phân giải B. sản xuất, sinh vật ăn thực vật, sinh vật phân giải
C. ăn thực vật, sinh vật ăn động vật, sinh vật phân giải D. sản xuất, sinh vật ăn động vật, sinh vật phân giải

Câu 83: Bể cá cảnh được gọi là hệ sinh thái

- A. nhân tạo B. “khép kín” C. vi mô D. tự nhiên

Câu 84: Ao, hồ trong tự nhiên được gọi đúng là hệ sinh thái

- A. nước đứng B. nước ngọt C. nước chảy D. tự nhiên

Câu 85: Đối với các hệ sinh thái nhân tạo, tác động nào sau đây của con người nhằm duy trì trạng thái ổn định của nó:

- A.không được tác động vào các hệ sinh thái B.bổ sung vật chất và năng lượng cho các hệ sinh thái
C.bổ sung vật chất cho các hệ sinh thái D.bổ sung năng lượng cho các hệ sinh thái

Câu 86: Trong hệ sinh thái có những mối quan hệ sinh thái nào?

- A. Chỉ có mối quan hệ giữa các sinh vật với nhau
- B. Mối quan hệ qua lại giữa các sinh vật với nhau và tác động qua lại giữa các sinh vật với môi trường
- C. Mối quan hệ qua lại giữa các sinh vật cùng loài và sinh vật khác loài với nhau
- D. Mối quan hệ qua lại giữa các sinh vật cùng loài với nhau và tác động qua lại giữa các sinh vật với môi trường

Câu 87: Điểm giống nhau giữa hệ sinh thái tự nhiên và hệ sinh thái nhân tạo là:

- A. có đặc điểm chung về thành phần cấu trúc
- B. có đặc điểm chung về thành phần loài trong hệ sinh thái
- C. điều kiện môi trường vô sinh
- D. tính ổn định của hệ sinh thái

Câu 88: Năng lượng được trả lại môi trường do hoạt động của nhóm sinh vật:

- A. sinh vật phân giải
- B. sinh vật sản xuất
- C. động vật ăn thực vật
- D. động vật ăn động vật

Câu 89: Đồng ruộng, hồ nước, rừng trồng, thành phố, ... là những ví dụ về hệ sinh thái

- A. trên cạn
- B. nước ngọt
- C. tự nhiên
- D. nhân tạo

Câu 90: Hệ sinh thái nào sau đây cần bón thêm phân, tưới nước và diệt cỏ dại?

- A. hệ sinh thái nông nghiệp
- B. hệ sinh thái ao hồ
- C. hệ sinh thái trên cạn
- D. hệ sinh thái savan đồng cỏ

Câu 91: Lưới thức ăn và bậc dinh dưỡng được xây dựng nhằm mô tả quan hệ dinh dưỡng

- A. giữa các loài trong quần xã
- B. giữa các sinh vật cùng loài trong quần xã
- C. giữa các loài trong quần thể
- D. và nơi ở giữa các loài trong quần xã

Câu 92: Trong chu trình sinh địa hóa có hiện tượng nào sau đây?

- A. Trao đổi các chất liên tục giữa môi trường và sinh vật
- B. Trao đổi các chất tạm thời giữa môi trường và sinh vật
- C. Trao đổi các chất liên tục giữa sinh vật và sinh vật
- D. Trao đổi các chất theo từng thời kì giữa môi trường và sinh vật

Câu 93: Lượng khí CO₂ tăng cao do nguyên nhân nào sau đây:

- A. hiệu ứng “nhà kính”
- B. trồng rừng và bảo vệ môi trường
- C. sự phát triển công nghiệp và giao thông vận tải
- D. sử dụng các nguồn nguyên liệu mới như: gió, thủy triều, ...

Câu 94: Tác động của vi khuẩn nitrát hóa là:

- A. cố định nitơ trong đất thành dạng đạm nitrát (NO₃⁻)
- B. cố định nitơ trong nước thành dạng đạm nitrát (NO₃⁻)
- C. biến đổi nitrit (NO₂⁻) thành nitrát (NO₃⁻)
- D. biến đổi nitơ trong khí quyển thành dạng đạm nitrát (NO₃⁻)

Câu 95: Những dạng nitơ được đa số thực vật hấp thụ nhiều và dễ nhất là

- A. muối amôn và nitrát
- B. nitrat và muối nitrit
- C. muối amôn và muối nitrit
- D. nitơ hữu cơ và nitơ vô cơ

Câu 96: Nguyên tố hóa học nào sau đây luôn hiện diện xung quanh sinh vật nhưng nó không sử dụng trực tiếp được?

- A. cacbon
- B. photpho
- C. nitơ
- D. oxi

Câu 97: Quá trình nào sau đây không trả lại CO₂ vào môi trường:

- A. hô hấp của động vật, thực vật
- B. lắng đọng vật chất
- C. sản xuất công nghiệp, giao thông vận tải
- D. sử dụng nhiên liệu hóa thạch

Câu 98: Theo chiều ngang khu sinh học biển được phân thành:

- A. vùng trên triều và vùng triều
- B. vùng thềm lục địa và vùng khơi
- C. vùng nước mặt và vùng nước giữa
- D. vùng ven bờ và vùng khơi

Câu 99: Nitơ phân tử được trả lại cho đất, nước và bầu khí quyển nhờ hoạt động của nhóm sinh vật nào:

- A. vi khuẩn nitrát hóa
- B. vi khuẩn phân nitrát hóa
- C. vi khuẩn nitrit hóa
- D. vi khuẩn cố định nitơ trong đất

Câu 100: Trong chu trình cacbon, điều nào dưới đây là **không** đúng:

- A. cacbon đi vào chu trình dưới dạng cacbonđiôxit
- B. thông qua quang hợp, thực vật lấy CO₂ để tạo ra chất hữu cơ
- C. động vật ăn cỏ sử dụng thực vật làm thức ăn chuyển các hợp chất chứa cacbon cho động vật ăn thịt
- D. phần lớn CO₂ được lắng đọng, không hoàn trả vào chu trình